

Bản án số: **39/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/5/2022

"Về việc ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Th, sinh năm 1978 (vắng mặt có đơn)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Thành Phụng Tây, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 23/3/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Th trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị Th và anh S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, đến năm 2002 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng, huyện An Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 215/2002, sau khi chung sống với nhau vợ chồng thường cự cãi nhau nhưng không lớn, chị cố gắng nhẫn nhịn để sống nuôi

con khôn lớn. Năm 2006 do cuộc sống kinh tế vợ chồng khó khăn nên cùng nhau đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh, anh S thường xuyên quan hệ nhiều người phụ nữ khác từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhiều. Năm 2020 chị và anh S về quê thăm gia đình, sau khi đi về thăm nhà anh S ở lại nhà không chịu đi lên thành phố làm với chị nên một mình chị đi, anh S ở lại quê quan hệ tình cảm nhiều người từ đó giữa chị và anh S sống với nhau không còn hạnh phúc do mất lòng tin với nhau, chị và anh S sống ly thân nhau một thời gian dài để thử thách nhưng không mang lại hiệu quả. Nay chị và anh S không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị quyết định yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con Nguyễn Phước Lộc, sinh năm 2009, theo nguyện vọng của Phước Lộc, Nguyễn Phước Lợi, sinh 1998 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại tờ tường trình ngày 31/3/2022 bị đơn anh S trình bày như sau:***

Anh S và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng năm 1998 đến năm 2002 đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp nhau, gặp mặt nhau là có xảy ra cự cãi nhau nguyên nhân vì kinh tế khó khăn nên vợ chồng bàn bạc với nhau đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê kiếm tiền nuôi con, thời gian đi làm ở thành phố được bao nhiêu tiền gửi vào thẻ để lo cho con. Năm 2020 mẹ anh già yếu, bệnh không ai chăm sóc nên bàn bạc với Th về chăm sóc mẹ anh nhưng Th không đồng ý, anh phải ở lại chăm sóc, tiếp đến thì dịch bệnh bùng phát nên anh không tới lui được với vợ, con nhưng có điện thoại hỏi thăm, sau khi mẹ anh hết bệnh anh đi lên thành phố sống với vợ con thì Th không đồng ý từ đó anh bỏ đi sang Phú Quốc làm vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay vợ anh là Hồ Thị Th về làm đơn xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Th nêu ra.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 đứa con chung, đúng như ý kiến của cô Th nêu ra. Anh không ý kiến.

Về tài sản: Trong thời gian đi làm thuê vợ chồng dành dụm được số tiền, năm 2012 Th gửi Ngân hàng khoảng 200.000.000đ nhưng anh không rõ gửi tiền ở ngân hàng nào nên anh không cung cấp cho Tòa án được.

Về phần nợ: không nợ bất kỳ ai, nên không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh S đã được triệu tập đến lần hai vẫn vắng mặt không lý do.

*** *Kiểm sát viên phát biểu:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định nên cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị Th và anh S chung sống với nhau như vợ chồng năm 1998, kết hôn với nhau năm 2002, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S, xét thấy hôn nhân giữa chị Th và anh S đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải nhằm mục đích động viên cho anh chị về đoàn tụ lại nuôi con nhưng cả hai lần anh S đều vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay chị Th vắng mặt nhưng trong đơn chị cũng thể hiện yêu cầu được ly hôn với anh S ,đối với anh S không tha thiết đoàn tụ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Chị Th xác định chị và anh Sét có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Phước Lộc, sinh năm 2009, xét thấy yêu cầu của chị Th có cơ sở phù hợp với nguyện vọng của Phước Lộc nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Th giao cháu Lộc cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Phước Lợi, sinh 1998 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, chị Th không yêu cầu Tòa giải quyết đề nghị không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị, nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản: Theo đơn khởi kiện chị Th xác định không có, anh S có tờ tường trình xác định có tài sản khoản tiền tiết kiệm 200.000.000đ, nhưng không chứng minh được chứng cứ mặc dù Tòa án đã thông báo cho anh có khởi kiện phản tố hay không, anh S đã nhận nhưng không làm đơn khởi kiện yêu cầu nên

không có cơ sở xem xét trong cùng vụ án này, nếu sau khi ly hôn anh S có khởi kiện thì giải quyết thành vụ kiện khác.

Về phần nợ: Chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Xét về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và S chung sống với nhau như vợ chồng năm 1998, đến năm 2002 đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Th khởi kiện xin ly hôn đối với anh S xét thấy, hôn nhân giữa chị Th và anh S xác lập năm 2002 có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh S thấy rằng;* Tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh S, anh S có tường trình gửi đến Tòa án đồng ý ly hôn với chị Th nên HĐXX xét thấy hôn nhân của anh chị thật sự đã trầm trọng bởi vì vợ chồng còn trẻ mà sống ly thân nhau một thời gian dài, cả hai không hòa giải để về sống chung với nhau nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 cho chị Th được ly hôn với anh Sét.

[3]. *Về con chung:* Chị Th xác định chị và anh Sét có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Phước Lộc, sinh năm 2009, xét thấy yêu cầu của chị Th có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của Phước Lộc nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Th giao cháu Lộc cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng sau khi hai người ly hôn nhau. Cháu Nguyễn Phước Lợi, sinh 1998 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, chị Th không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con tên Phước Lộc, nên không xem xét.

Về tài sản: Chị Th xác định không tranh chấp, anh S có tờ tường trình xác định có tài sản khoản tiền tiết kiệm 200.000.000đ, nhưng không chứng minh được chứng cứ mặc khác anh được Tòa án đã thông báo có yêu cầu khởi kiện phản tố hay không nhưng quá thời hạn quy định anh không làm đơn yêu cầu

khởi kiện nên không có cơ sở xem xét, nếu sau khi ly hôn anh S có khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung thì giải quyết thành vụ kiện khác.

Về phần nợ: Chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hồ Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

[2]. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Phước Lộc, sinh ngày 16/01/2009 cho chị Th nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Cháu Phước Lợi, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th, nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ chung:* Chị Th và anh S xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm:* 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí ly hôn. Buộc chị Hồ Thị Th phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số: 0005315 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của án này tổng đạt hợp lệ theo tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mỹ Huê